

Bản án số: 381/2024/HC-PT

Ngày: 10 – 5 - 2024

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Vâng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 1007/2023/TLPT-HC ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 22/2023/HC-ST ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1340/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn K (có mặt).

Địa chỉ: Đường N, khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- Người bị kiện:

1/Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang

2/Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng A – Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn T1 – Chức vụ: Phó chủ tịch (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tỉnh lộ 925, ấp T, thị trấn N, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp: Ông Tiêu Minh H (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Ông Nguyễn Văn T2 (vắng mặt).

2/Bà Lưu Huyền C (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Trọng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2022, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Trọng T và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Văn K trình bày:

Vào khoảng năm 2015, ông T được cha ruột là ông Nguyễn Văn T2 cho phần đất diện tích 67,32m², loại đất trồng cây lâu năm nhưng chưa sang tên cho ông T. Cùng trong năm 2015, ông T đã xây dựng nhà diện tích 57,77m² loại nhà cấp 4 trên phần đất. Năm 2017, ông T được cấp sổ hộ khẩu và ở liên tục, ổn định tại căn nhà trên. Tháng 09/9/2021 Ủy ban nhân dân huyện C ra Quyết định thu hồi toàn bộ đất và căn nhà của ông T. Theo Quyết định số 3538/QĐ- UBND ngày 09/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Đường ô tô về trung tâm xã P (đợt D) thì Ủy ban chỉ bồi thường cho ông 47% giá trị của phần căn nhà diện tích 57,77m² và theo Quyết định số 4970/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Đường ô tô về trung tâm xã P (Tái định cư) (Viết tắt là Quyết định 4970), Ủy ban nhân dân huyện C không cấp tái định cư cho ông T.

Không đồng ý với các quyết định được phê duyệt ông T làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C để được xem xét giải quyết.

Tại Quyết định số 1812/QĐ-UBND và Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng T (lần đầu) không chấp nhận khiếu nại của ông T, thu hồi lại số tiền đã áp giá bồi thường cho của ông T trước đây.

Vì vậy ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy một phần Quyết định số 3538/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Đường ô tô về trung tâm xã P đợt 4 (phần liên quan đến Nguyễn Trọng T);

2. Hủy một phần Quyết định số 4970/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Đường ô tô về trung tâm xã P (phần liên quan đến Nguyễn Trọng T);

3. Hủy Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng T (Lần đầu);

4. Hủy Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng T3 (Lần đầu).

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện cho người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy Quyết định mới 281/QĐ – UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc điều chỉnh kinh phí của ông Nguyễn Trọng T được phê duyệt tại Quyết định số 3538/QĐ –UBND.

Tại văn bản số 5428, người bị kiện có ý kiến như sau:

Ngày 26/10/2020, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Thông báo số 5387/TB-UBND về việc thu hồi thửa đất số 149, 150, tờ bản đồ số 07B, diện tích dự kiến thu hồi 1.794,7m² đối với hộ ông Nguyễn Văn T2.

Ngày 29/6/2021, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Thông báo số 875/TB-UBND về việc điều chỉnh Thông báo thu hồi đất số 5387/TB-UBND về số tờ bản đồ của thửa đất.

Ngày 09/9/2021, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 3551/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường ô tô về trung tâm xã P (Hộ N). Tổng diện tích thu hồi là 1.940,6m², trong đó gồm: Một phần thửa đất số 150, tờ bản đồ số 07, diện tích 207,2m², loại đất ở nông thôn (ONT) và 707,6m² loại đất trồng cây lâu năm (CLN); một phần thửa đất số 149, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.025,8m², loại đất CLN.

Thông báo và quyết định thu hồi đất nêu trên đã được triển khai đến ông Nguyễn Văn T2 và ông T2 thống nhất nhận quyết định.

Về tài sản của ông T xây dựng trên phần đất của ông T2 tại thửa đất số 149 đã bị thu hồi nêu trên.

Ngày 12/3/2021, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh H - Chi nhánh huyện C phối hợp cùng Ủy ban nhân dân xã P, chủ đầu tư kiểm kê phần tài sản bị ảnh hưởng thuộc dự án gồm có: Nhà chính (57,77m²), Nhà sau (9,55m²), 01 bàn thờ ông tiên.

Ngày 09/09/2021, Ủy ban nhân dân huyện B Quyết định số 3538/QĐ-UBND thì hộ ông T được phê duyệt bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình với tổng số tiền 67.157.342 đồng. Căn cứ áp dụng theo Điểm b Khoản 3 Điều 14 Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh

H quy định “*Đối với nhà, công trình còn lại khác: hỗ trợ bằng 50% giá trị xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương bị thiệt hại*”.

Ngày 22/11/2021, Ủy ban nhân dân huyện B Quyết định số 4970/QĐ-UBND phê duyệt không đủ điều kiện tái định cư đối với ông Nguyễn Trọng T.

Lý do: Hộ không phải di chuyển chỗ ở (do hộ không sinh sống liên tục tại căn nhà bị ảnh hưởng). Không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ theo Khoản 6 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 về sửa đổi, bổ sung Điều 23 Quyết định Số 26/2018/QĐ-UBND quy định: “*Hộ gia đình cá nhân (ở nhờ trên đất của người có đất bị thu hồi hoặc sống trên sông, rạch, kênh mương) bị di chuyển chỗ ở mà không có chỗ ở (nhà ở, đất ở) nào khác trong xã, phường, thị trấn tại nơi giải tỏa*”.

Sau đó ông Nguyễn Trọng T khiếu nại Quyết định số 4970/QĐ-UBND Yêu cầu cấp tái định cư và khiếu nại đối với Quyết định số 3538/QĐ-UBND yêu cầu: Nâng giá trị bồi thường nhà ở hết diện tích 57,77m² và 9,55m² từ 47% lên 100% giá trị và bồi thường nhà vệ sinh.

Ngày 12/5/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1812/QĐ-UBND không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Trọng T về yêu cầu cấp tái định cư, giữ nguyên quyết định số 4970 và ban hành, Quyết định giải quyết khiếu nại số 1814/QĐ-UBND không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Trọng T về yêu cầu nâng giá trị căn nhà, đồng thời điều chỉnh một phần Quyết định 3538/QĐ-UBND để phê duyệt lại không hỗ trợ đối với nhà, công trình của ông T.

- Ngày 10/01/2023, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 281/QĐ-UBND điều chỉnh kinh phí của ông T được phê duyệt tại Quyết định số 3538/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện C từ 67.157.342 đồng thành 0 đồng.

Các căn cứ: Quá trình xác minh, Thanh tra huyện tiến hành làm việc với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P xác định tính pháp lý về nhà, công trình xây dựng, các thông tin về chỗ ở, về xét tái định cư, Ủy ban nhân dân xã có báo cáo cụ thể như sau:

- Trường hợp của ông Nguyễn Trọng T: Xây dựng công trình (nhà) trên diện tích đất nông nghiệp của cha là ông Nguyễn Văn T2, xây dựng vào tháng 11/2020 bị lập biên bản vi phạm hành chính do xây dựng công trình sau ngày công bố Thông báo thu hồi đất của dự án Đường ô tô về trung tâm xã P.

Vào thời điểm lập biên bản vi phạm, ông T không có sinh sống tại căn nhà bị lập biên bản, thực tế ông sinh sống chung nhà với ông Nguyễn Văn T2.

- Hộ khẩu được cấp vào ngày 11/01/2017, không phải tại vị trí căn nhà ảnh hưởng trong dự án (nhà bị lập biên bản vi phạm). Vị trí Ủy ban nhân dân xã xác nhận chỗ ở hợp pháp để được cấp Sổ hộ khẩu là căn nhà xây dựng trên phần đất của ông Nguyễn Văn T2 cùng ấp P, cách căn nhà bị lập biên bản vi phạm khoảng 100 mét. (biên bản làm việc với ông Phạm Thanh Đ nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P).

Căn cứ biên bản vi phạm hành chính ngày 24/11/2020, Ủy ban nhân dân xã P lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Trọng T (xây dựng nhà ở: Khung cột thép tiền chế, vách tol, nền gạch men, mái T4, diện tích xây dựng: $5,0 \times 11,8\text{m} = 59\text{m}^2$).

Theo Biên bản kiểm đếm ngày 12/3/2021, thể hiện ông T bị ảnh hưởng Nhà Nhà trệt (nhà chính) móng xây bó nền, khung cột thép tiền chế, vách tol, nền gạch men, mái T4, diện tích xây dựng $57,77\text{m}^2$, diện tích trong phạm vi giải phóng mặt bằng là $57,77\text{m}^2$.

Phần nhà trệt (nhà sau): Móng chôn chân, xây liền, khung cột thép tiền chế, vách tol, nền láng xi măng, mái T4, diện tích xây dựng $9,55\text{m}^2$, đối chiếu với biên bản vi phạm lập ngày 24/11/2020 thì không thể hiện công trình này. Từ đó xác định thời điểm xây dựng đối với công trình có diện tích xây dựng $9,55\text{m}^2$ theo biên bản kiểm đếm ngày 12/3/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C là sau ngày 24/11/2020 tức sau ngày thông báo thu hồi đất.

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh H sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh H. Sửa đổi, bổ sung điểm đ, khoản 3 Điều 14 như sau: *‘Nhà (bao gồm nhà ở) và công trình xây dựng sau khi có thông báo thu hồi đất hoặc khi xây dựng có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền thì không bồi thường, không hỗ trợ’*

Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lưu Huyền C tại bản tự khai có ý kiến thống nhất với lời trình bày của ông T.

Ông Nguyễn Văn T2: Vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, xét xử tại Tòa án và có đơn xin vắng mặt.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 22/2023/HC-ST ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng T về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 3538/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Đường ô tô về trung tâm xã P đợt 4 (phần liên quan đến ông Nguyễn Trọng T); Quyết định 281/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Đường ô tô về trung tâm xã P Tái định cư; Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng T (lần đầu).

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng T về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 4970/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Đường ô tô về trung tâm xã P (Về tái định cư) (phần liên quan đến ông T) và quyết định Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng T (Lần đầu).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/7/2023 người khởi kiện ông Nguyễn Trọng T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Trọng T (có ông Nguyễn Văn K là đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Người bị kiện xin xét xử vắng mặt.

Trong phần tranh luận:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Phần căn nhà của ông T bị ảnh hưởng trong dự án được ông T2 cho đất xây nhà, nhà xây dựng năm 2015, được cấp sổ hộ khẩu năm 2017. Ủy ban nhân dân xã xác nhận nhà trên đất của ông T, đây là nơi ở của ông T, nhưng Ủy ban nhân dân huyện không bồi thường nhà và tái định cư cho ông T là ảnh hưởng quyền lợi ích hợp pháp của ông T. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện phát biểu: Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã thì sổ hộ khẩu không phải cấp tại địa chỉ căn

nhà trên đất bị thu hồi, và gia đình ông T không cư trú trên căn nhà đó. Điều kiện tái định cư là người bị thu hồi đất bị giải tỏa trắng, không có chỗ ở, đối chiếu quy định trên thì ông T không đủ điều kiện tái định cư. Về bồi thường nhà: Ông T xây dựng nhà trên đất nông nghiệp, khi xây dựng đã bị lập biên bản vi phạm hành chính, nên không đủ điều kiện được bồi thường nhà. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Trên phần đất bị thu hồi của ông T2 có căn nhà do ông T xây dựng, đã bị Ủy ban nhân dân xã lập biên bản vi phạm hành chính ngày 24/11/2020. Đối chiếu biên bản kiểm kê với biên bản vi phạm hành chính thì kết cấu nhà giống nhau. Ngày 18/11/2020 Ủy ban nhân dân xã C3 thông báo yêu cầu ông T dừng xây dựng nhà, thời điểm lập biên bản ông T có mặt và trình bày đang sửa chữa nhà nhưng không ký tên vào biên bản.

Theo giấy xin xác nhận để tách sổ hộ khẩu không thể hiện ông T có ở trên căn nhà bị thu hồi. Vì vậy không có căn cứ xác định căn nhà được xây dựng trên phần đất thu hồi ông T có sổ hộ khẩu. Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện ông T xây dựng nhà sau khi có thông báo thu hồi đất và ông T không ở tại căn nhà bị ảnh hưởng bởi dự án. Trường hợp ông T không đủ điều kiện được bồi thường nhà ở và tái định cư. Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang là đúng quy định pháp luật. Bản án sơ thẩm là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt, xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án.

[2] Năm 2021 Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất có diện tích 67,32m² (trên đất có căn nhà diện tích 57,77m²) của ông Nguyễn Trọng T để thực hiện dự án Đường ô tô về trung tâm xã P Tái định cư. Không đồng ý với các quyết định bồi thường, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy một phần Quyết định số 3538/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Đường ô tô về trung tâm xã P đợt 4 (phần liên quan đến Nguyễn Trọng T);

- Hủy một phần Quyết định số 4970/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Đường ô tô về trung tâm xã P (phần liên quan đến Nguyễn Trọng T);

- Hủy Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng T (Lần đầu);

- Hủy Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng T3 (Lần đầu).

[3] Bản án sơ thẩm nhận định:

[3.1] Ngày 26/10/2020, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Thông báo số 5387/TB-UBND về việc thu hồi thửa đất số 149, 150, tờ bản đồ số 07B, diện tích dự kiến thu hồi 1.794,7m² đối với hộ ông Nguyễn Văn T2.

Ngày 29/6/2021, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Thông báo số 875/TB-UBND về việc điều chỉnh Thông báo thu hồi đất số 5387/TB-UBND về số tờ bản đồ của thửa đất.

Ngày 09/9/2021, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 3551/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường ô tô về trung tâm xã P (Hộ N). Tổng diện tích thu hồi là 1.940,6m², trong đó có: Một phần thửa đất số 150, tờ bản đồ số 07, diện tích 207,2m², loại đất ở nông thôn (ONT) và 707,6m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN); Một phần thửa đất số 149, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.025,8m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN). Tại thửa đất 149 bị thu hồi, có căn nhà của ông T xây dựng.

Ngày 12/3/2021, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh H - Chi nhánh huyện C phối hợp cùng Ủy ban nhân dân xã P, chủ đầu tư kiểm kê phần tài sản bị ảnh hưởng thuộc dự án gồm có: Nhà chính (57,77m²), Nhà sau (9,55m²), 01 bàn thờ ông thiên.

[3.2] Theo giấy xin xác nhận chỗ ở hợp pháp của ông T để tách hộ khẩu được Ủy ban nhân dân xã P xác nhận vào ngày 06/01/2017, thì căn nhà được xây dựng trên phần đất ông T2 cho có diện tích 500m², và không nêu cụ thể căn nhà thuộc thửa đất nào. Trong khi đó, theo người khởi kiện trình bày thì căn nhà xây dựng trên phần đất được ông T2 cho bị ảnh hưởng dự án chỉ có 67,32m². Vì vậy không có cơ sở để xác định căn nhà xây dựng trên phần đất cấp hộ khẩu và căn nhà xây dựng thuộc thửa 149 (bị ảnh hưởng trong dự án) là cùng 01 căn nhà.

Đối với Biên bản xác nhận, nhà công trình trên đất giữa ông T2 và ông T ngày 10/3/2020 (có sửa chữa năm thành 2021), thì vào tháng 3/2020 ông C1 chưa phải là Chủ tịch Ủy ban xã P. Mặt khác, nội dung của biên bản xác nhận nhằm mục đích cho việc bồi thường, hỗ trợ dự án Đường ô tô về trung tâm xã P,

nhưng thời điểm này chưa có Thông báo thu hồi đất nên việc xác nhận vào ngày 10/3/2021 là đúng trình tự, thủ tục để tiến hành kiểm đếm vào ngày 12/3/2021. Từ đó có căn cứ xác định biên bản xác nhận vào ngày 10/3/2021 là xác nhận sau thông báo thu hồi đất mà không phải xác nhận trước thông báo thu hồi đất theo trình bày của người bị kiện là phù hợp. Đối với biên bản xác nhận pháp lý ngày 29/5/2021, thì tại phiên tòa sơ thẩm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P thừa nhận do cán bộ địa chính xã P luân chuyển đến địa phương khác nên chưa bàn giao các giấy tờ liên quan trong đó có biên bản vi phạm hành chính được lập đối với ông T; Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P không nắm hết được nên đã xác nhận tình trạng căn nhà của ông T xây trước thông báo thu hồi đất là không đúng.

[3.3] Xét, biên bản vi phạm hành chính lập ngày 24/11/2020;

Nội dung biên bản thể hiện hành vi vi phạm của ông T là: “*Chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn*” do xây dựng nhà ở khung cột thép tiền chế, mái tole, vách tole, nền gạch men, diện tích $5,0\text{ m} \times 11,8\text{ m} = 59,0\text{ m}^2$. Căn cứ vào biên bản kiểm đếm ngày 12/3/2021 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh H - Chi nhánh huyện C phối hợp cùng Ủy ban nhân dân xã P, chủ đầu tư kiểm kê nhà của ông T xây dựng gồm có: Phần nhà chính có kết cấu móng xây bó nền, khung cột thép tiền chế, mái tole, vách tole, nền gạch men diện tích $4,9\text{ m} \times 11,79\text{ m} = 57,77\text{ m}^2$; Phần nhà sau kết cấu móng chôn chân, xây bó nền, khung cột thép tiền chế, mái tole, vách tole, nền láng xi măng tích $3,62\text{ m} \times 2,64\text{ m} = 9,55\text{ m}^2$. Đối chiếu giữa biên bản kiểm kê với biên bản vi phạm hành chính thì hiện trạng, kết cấu phần nhà chính tại thời điểm lập biên bản giống với hiện trạng, kết cấu phần nhà chính theo biên bản kiểm đếm ngày 12/3/2021. Vậy tại thời điểm lập biên bản vi phạm thì phần căn nhà chính đã được xây dựng xong.

Tuy nhiên, người bị kiện đã cung cấp những hình ảnh căn nhà của ông T đang xây dựng được lập vào ngày 18/11/2020 (tức sau thông báo thu hồi đất và trước ngày lập biên bản vi phạm hành chính), hình ảnh căn nhà đang được xây dựng do cán bộ địa chính xã thực hiện nhiệm vụ đã chụp lại. Mặt khác người bị kiện cho rằng thời điểm lập biên bản vi phạm ông T có mặt và trình bày đang sửa chữa nhà nhưng không ký vào biên bản vi phạm tuy nhiên biên bản có 02 người làm chứng xác nhận. Do đó, có cơ sở xác định phần căn nhà này mới được xây dựng.

Đối với phần nhà sau thì thời điểm lập biên bản vi phạm ngày 24/11/2020 không có công tình này, nhưng khi kiểm đếm (ngày 12/3/2021) có thêm phần diện tích nhà sau $9,55\text{ m}^2$. Vậy, sau thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính, ông T vẫn cố tình tiếp tục xây dựng. Ngoài ra, những người làm chứng sinh sống gần nhà ông T trong đó có những người sống cặp ranh với căn nhà ông T như ông C2 và bà X đều trình bày: Ông T xây dựng căn nhà bị ảnh hưởng dự án

là xây dựng vào tháng 11/2020 khi đó đã cấm mốc phóng tuyến lộ nhằm mục đích đối phó để được bồi thường, ông T cùng vợ con không ở trong căn nhà này mà ở căn nhà khác được xây dựng vào năm 2017 trên phần đất của ông T2, không ảnh hưởng dự án. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện cho ông T thừa nhận hiện tại ông T đang cùng vợ con sinh sống trên căn chòi cách căn nhà bị ảnh hưởng khoảng 400m; Ông T cũng không có chứng cứ chứng minh đã cùng vợ, con từng sinh sống trong nhà bị ảnh hưởng. Trong khi đó, theo biên bản xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P ngày 29/5/2021 (được ông T dùng làm chứng cứ để khởi kiện), thì nhà của ông T xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất ở, xây dựng nhà không dùng mục đích sử dụng để ở.

[3.4] Qua hình ảnh thực tế, hiện trạng căn nhà của ông T xây dựng tạm bợ, giữa nhà vệ sinh thông với nhà chính không cửa ngăn cách. Vách nhà phía sau thông ra vườn bị trống một bức vách rộng, không thấy có đường điện, đường nước. Tại phiên tòa sơ thẩm, người làm chứng ông Nguyễn Tấn G có lời khai mâu thuẫn với nhau về nguồn gốc, địa chỉ nơi ông mua vật liệu. Đối với ông Nguyễn Văn G1 cho rằng ở gần nhà ông T nhưng ông T có bao nhiêu anh chị em còn không biết rõ. Theo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, ông G1 trước đây làm ăn và sinh sống ở nơi khác, vừa mới trở về địa phương.

[3.5] Từ các phân tích trên có căn cứ khẳng định ông T xây dựng nhà sau khi có thông báo thu hồi đất. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh H sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh H không bồi thường, không hỗ trợ cho ông T là đúng. Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện huyện C về giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông T đã hủy một phần Quyết định số 3538/QĐ-UBND ngày 09/09/2021 theo hướng phê duyệt lại không bồi thường, không hỗ trợ cho ông T; Ngày 10/01/2023 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 281/QĐ-UBND điều chỉnh kinh phí của ông Nguyễn Trọng T được phê duyệt tại Quyết định số 3538 là xuống thành 0 đồng, và Quyết định 4970/QĐ-UBND phê duyệt không hỗ trợ tái định cư cho ông T là có căn cứ. .

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu nên không có cơ sở chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên người có kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

I. Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Trọng T (có ông Nguyễn Văn K là đại diện theo ủy quyền);

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 22/2023/HC-ST ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang;

Áp dụng Điều 66, Điều 67, Điều 69 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 18, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 của Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định 124/2020/NĐ – CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh H, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh H; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng T về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 3538/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Đường ô tô về trung tâm xã P đợt 4 (phần liên quan đến ông Nguyễn Trọng T); Quyết định 281/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Đường ô tô về trung tâm xã P Tái định cư; Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng T (lần đầu).

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng T về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 4970/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Đường ô tô về trung tâm xã P (Về tái định cư) (phần liên quan đến ông T) và Quyết định Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng T (lần đầu).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Trọng T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000030 ngày 07/8/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- NKK (1);
- NBK (2);
- NLQ (2);
- Lưu (10) 20b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên